

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP 28 Đà Nẵng
Năm báo cáo: năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 ĐÀ NẴNG
- Tên giao dịch tiếng Anh: 28 DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400709400 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/01/2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2020.
- Vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.443.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0236 3618383
- Số fax: 0236 3615036
- Website: www.agtexdanang.com.vn.

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng là cơ sở 2 của Xí nghiệp 27/7, được thành lập ngày 5/3/1996, đóng tại 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Ngày 01/01/2009 Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng theo quyết định số 819/QĐ-BQP ngày 8/4/2008 và quyết định số 1653/QĐ-BQP ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc

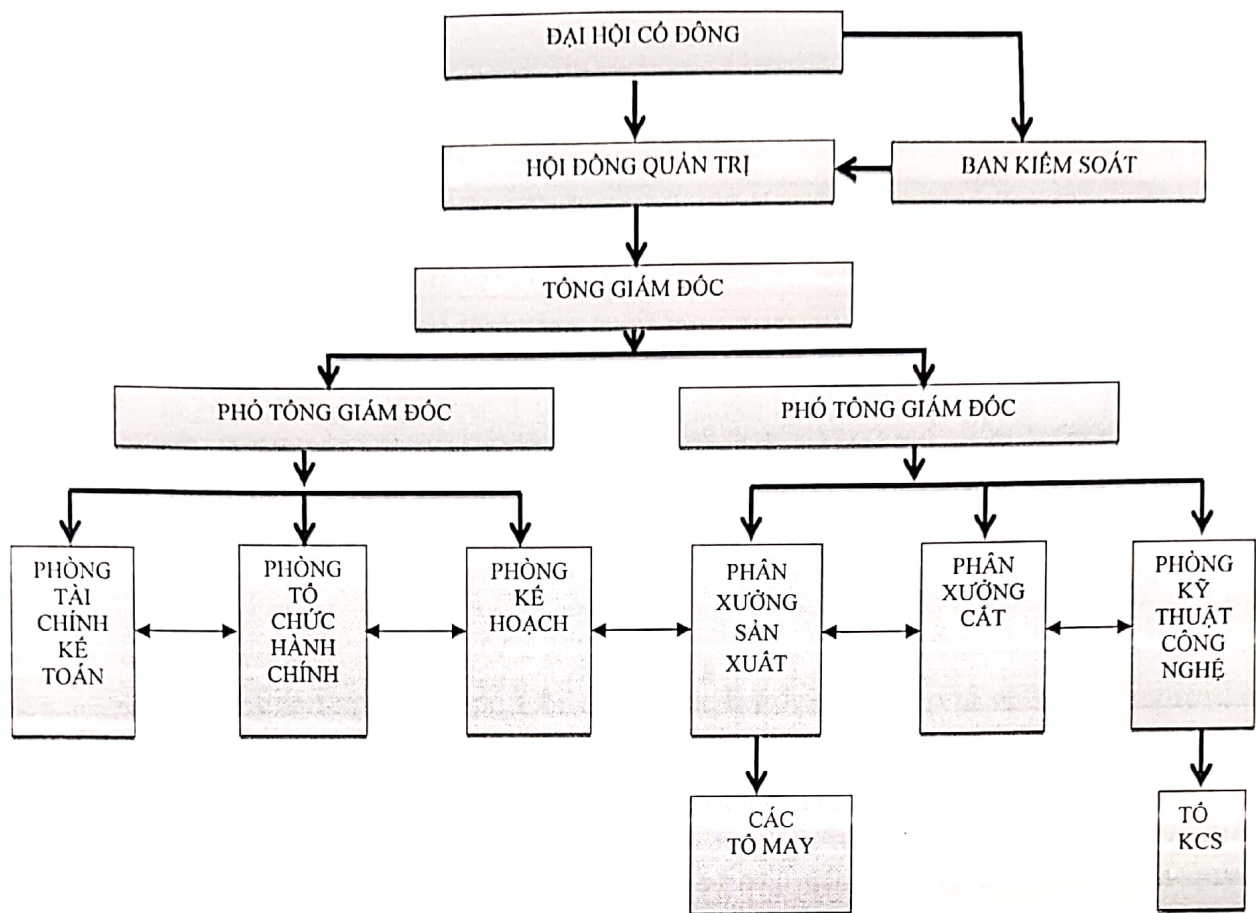
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may, kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, xưởng, bãi đậu xe.

- Địa bàn kinh doanh: thị trường chính là EU và Mỹ, trong đó EU chiếm 70%, nội địa và các thị trường khác chiếm 30%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Sơ đồ tổ chức:



3.2 Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, cơ quan công ty

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có nhiệm vụ nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty, việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội

đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng kế hoạch, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Phòng Tài chính – Kế toán, Phân xưởng cắt, Phân xưởng sản xuất.

3.3 Nguyên tắc hoạt động

- Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng làm việc theo chế độ một người chỉ huy, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Quân đội, điều lệ Công ty, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, SA8000:2014, WRAP, CTPACT và quy chế quản lý của Công ty.

- Thực hiện việc phân công và uỷ quyền rõ ràng giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo nguyên tắc một người có thể làm nhiều việc nhưng mỗi việc chỉ có 1 người phụ trách và chịu trách nhiệm chính.

- Các Phòng trong Công ty là các đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty theo các chuyên môn được giao.

- Các Phân xưởng trong Công ty là các đơn vị trực tiếp tổ chức cho người lao động sản xuất theo các kế hoạch đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

- Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban và các Phân xưởng giải quyết công việc phải đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả và đảm bảo sự phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời trong quá trình giải quyết công việc.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty CP 28 Đà Nẵng luôn theo đuổi mục tiêu chuyên môn hóa sản xuất, tìm kiếm các khách hàng, nhãn hàng nổi tiếng trên thế giới để sản xuất.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp; Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững; Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển; Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

- Ngành dệt may chuyển biến theo chiều hướng khó khăn do khách hàng chuyển dịch nguồn hàng sang một số nước có ưu thế hơn về thuế quan. Điều này đã tác động đến nguồn hàng, giá cả và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, nhất là khu vực Miền Trung.

- Nguồn lao động biến động giảm, lao động cũ có tay nghề nghỉ việc nhiều, lao động mới tuyển dụng tay nghề chưa đáp ứng so với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao đã ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm và chi phí (bù lương hàng tháng).

- Xu thế hàng thời trang, số lượng nhỏ lẻ, chất liệu khó may, thêu, in, wash nhiều đã tác động đến công tác tổ chức sản xuất và năng suất lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	3.144.737	2.099.244	2.069.210	1.562.921	49,7	74,5	75,5
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	2.866.421	2.068.297	2.069.210	1.572.383	54,9	76,0	76,0
3. Tồn kho cuối kỳ	79.051	109.998	83.576	100.536	127,2	91,4	120,3
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	303.477	189.613	298.920	200.709	66,1	105,9	67,1
2. Giá vốn hàng bán	286.179	169.819	274.644	191.472	66,9	112,8	69,7
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.298	19.794	24.276	9.237	53,4	46,7	38,0
4. Doanh thu hoạt động tài chính	744	721	-	439	59,0	60,9	
5. Chi phí tài chính	1.738	2.312	1.600	1.977	113,8	85,5	123,6
6. Chi phí bán hàng	2.682	2.575	3.021	2.316	86,4	89,9	76,7
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.711	14.418	16.935	12.921	82,2	89,6	76,3
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.089)	1.210	2.720	(7.538)	360,8	(623,0)	(277,1)
9. Thu nhập khác	374	1.573	1.080	1.693	452,7	107,6	156,8
10. Chi phí khác	366	772	-	845	230,9	109,5	
11. Lợi nhuận khác	8	801	1.080	848	10.600,0	105,8	78,5
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.081)	2.011	3.800	(6.690)	321,5	(332,6)	(176,1)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	279	546			-	-	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(2.360)	1.466	3.800	(6.690)	283,5	(456,4)	(176,1)
16. Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/Vốn Chủ sở hữu	1.270,06	32,20	4,86	(42,40)	(3,3)	(131,7)	(872,4)
17. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (ROE)	1.440,34	23,47	19,27	(42,65)	(3,0)	(181,8)	(221,3)
18. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	(1,90)	1,18		(5,61)	295,3	(475,5)	

+ Doanh thu thuần 200,709 tỷ đồng, đạt 67,1 % kế hoạch năm, bằng 105,70% so với cùng kỳ năm trước;

+ Giá trị GCCB trong xưởng đạt 79.256.556.173 đồng, đạt 79,26 % kế hoạch

năm, bằng 83,24 % so với cùng kỳ năm trước;

+ Lợi nhuận trước thuế -6.689.780.100 đồng, đạt -176,05% kế hoạch năm, bằng -321,58% so với cùng kỳ năm trước;

Doanh thu, GTGCCB và lợi nhuận không đạt do hai khách hàng lớn làm FOB của Công ty là Imar và Snicker giảm số lượng đơn hàng nên Công ty phải tìm kiếm nguồn hàng sản xuất từ các khách hàng mới thay thế như Kimsora, hàng lính của khách hàng SUS, hàng Aurora, LMH, Lever Style ... thời gian đầu chuyển đổi sản xuất người lao động chưa quen tay nên năng suất thấp, đơn hàng số lượng không lớn, sản xuất không lặp lại nên đã ảnh hưởng đến doanh thu, thu nhập và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (TT 48) -42,40%, so với kế hoạch năm đạt -176,1%; bằng -456,4% cùng kỳ năm trước.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (TT 48) -42,65%, so với kế hoạch năm đạt -221,3%; bằng -181,8% cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Chức vụ	Cổ phần sở hữu/đại diện			
					Cá nhân	Đại diện	Cộng	% vốn ĐL
1	Bùi Văn Bắc	1969	1P2 Ngõ 83, Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	CTHDQT		720.640	720.640	46,7
2	Nguyễn Quyết Thắng	1969	40/18 Lê Đức Thọ, P7, Quận Gò Vấp, TPHCM	Phó CTHDQT Kiểm TGD		392.840	392.840	25,4
3	Hồ Thanh Thủy	1983	147 Huỳnh Thúc Kháng – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng	Ủy Viên	200	197.420	197.620	12,8

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 784 người. Năm 2019 nguồn lao động của Công ty bị biến động mạnh trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, Công ty đã kịp thời giữ chân người lao động và tuyển dụng bổ sung, áp dụng nhiều chính sách đối với người lao động như tăng thưởng chuyên cần ABC, áp dụng chính sách thưởng thâm niên, hỗ trợ tiền xăng xe, nuôi con nhỏ,... góp phần ổn định đội ngũ lao động trong năm 2019.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

(ĐVT:Đông)

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	SỐ LƯỢNG	TRỊ GIÁ
A	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH			5.082.400.789
I	NHÀ XƯỞNG			

				1.215.782.000
1	Thi công cải tạo mái tôn PXSX		1	739.211.000
2	Xây dựng sửa chữa dây nhà ở khách hàng		1	476.571.000
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ			3.518.436.971
1	Máy cắt rập cứng FT 1512 Sinajet	Cái	1	160.060.000
2	Máy bộ ĐT Juki LK-1900/BSS/MC672KSS	Cái	4	319.960.000
3	Máy thừa khuy ĐT Juki LBH-17900AB/MC602KSS/AC SM:2L0KA(00028,29,33)	Cái	3	444.450.000
4	Máy lập trình khổ trung 220*100mm AMS-210EN-S2210/KA1#SM:PA3NC(00321,326)	Cái	2	542.600.000
5	Máy tra tay ĐT Juki - DP-2100SZ/MC650K/IP-420C	Cái	1	270.020.000
6	Hệ thống nén khí 30HP King Power(máy nén, sấy, lọc thô, tinh, bình nén)		1	203.356.062
7	Máy 2 kim DD ĐT Juki LH-3568ASF-7WB/SC920/CP18A/AC9(dùng cho vải trung bình)		8	659.200.000
8	Máy 2 kim DD ĐT Juki LH-3568ASF-7WB/SC920/CP18A/AC9(dùng cho vải dày)		7	576.800.000
9	Máy vắt sô 2K5C mô tơ liền trục có bộ hút Grand-juki MO6816D-DE4-30H/E35/GMD1-		10	302.900.000
10	Máy cắt vòng KaWa		1	39.090.909
III	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI			348.181.818
1	Xe nâng Hangcha - CPCD25N-RW10 SK:NC932109DH21880-SM;266336	Cái	1	348.181.818
	TỔNG CỘNG			5.082.400.789

Công ty có đầu tư bổ sung thiết bị chuyên dùng để thay thế một số MMTB chuyên dùng cũ hết khấu hao, hư hỏng không sửa chữa được, với tổng giá trị đầu tư là 5,082 tỷ đồng, đạt 84,24% so với kế hoạch, bằng nguồn vốn vay lãi suất 0%/năm của Tổng Công ty 28 và nguồn vốn tự có. Việc đầu tư thực hiện đúng phê duyệt của chủ tịch HĐQT và đúng quy định của Tổng Công ty, quy định của Pháp luật. Sau đầu tư MMTB đã được đưa vào vận hành đúng quy trình, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất.

Công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định chấp hành theo quy định về đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, có phê duyệt nhu cầu, chủ trương đầu tư tiến hành thực hiện

và nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

+ Công tác thanh lý tài sản cố định tuân thủ quy định về thanh lý tài sản cố định, kiểm tra nhu cầu, đánh giá tài sản và mời thầu cùng các hồ sơ phê duyệt thanh lý theo đúng quy định.

+ Giá trị tổng tài sản 19.198.861.889 đồng, trong đó giá trị tài sản cố định 14.469.846.242 đồng chiếm 73,37% giá trị tổng tài sản, chi phí xây dựng cơ bản dở dang 4.729.015.647 đồng chiếm 24,63% giá trị tổng tài sản .

Công tác quản lý tài sản cố định: mỗi tài sản cố định đều được phân loại và phân ánh vào sổ theo dõi nguyên giá, hao mòn lũy kế và hao mòn còn lại khi phát sinh việc nhập xuất theo đúng quy định. Đối với các TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, đơn vị theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định. Đối với TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn tham gia vào hoạt động SXKD đơn vị vẫn thực hiện theo dõi theo quy định.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	So với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	77.439.899.278	77.435.491.732	99,99%
Doanh thu thuần	189.612.863.906	200.708.759.135	109,21%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.209.977.955	-7.537.536.789	
Lợi nhuận khác	801.491.582	847.756.689	105,77%
Lợi nhuận trước thuế	2.011.469.537	-6.689.780.100	
Lợi nhuận sau thuế	1.465.734.031	-6.729.156.700	

Cơ cấu tài sản: Tổng tài sản bằng 99,99% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018, trong đó nợ ngắn hạn là 56.182.439.892 đồng, chiếm 72,55%.

Doanh thu thuần năm 2019 tăng 109,21% so với cùng kỳ. Trong năm 2019, bên cạnh các nguồn hàng sản xuất xuất khẩu truyền thống như Hultafors, Imar, Công ty thực hiện gia tăng các mặt hàng sản xuất xuất khẩu của các khách hàng khác như SUS, Aurora, Pohalm, Lever Style nhằm thay thế mặt hàng AMW có giá trị thấp và bổ sung nguồn hàng thiếu cho các chuyên sản xuất trong các thời điểm thiếu hàng.

Bên cạnh đó, trong năm phát sinh các khoản thu nhập khác bao gồm : Hoàng Jeans hỗ trợ chi phí tái chế của đơn hàng Kowil 400.000.000đồng; hoàn nhập công nợ nhà cung cấp không thu hồi 168.511.178 đồng ; phát sinh khoản debit note với IMAR : USD 30,895.00 và khoản thanh lý MMTB 208.882.422đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn của Công ty bao gồm nợ phải trả là 69,19 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu là 8,24 tỷ đồng. Nợ phải trả chủ yếu là nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội và chiếm dụng của khách hàng.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,93	0,8	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,41	0,37	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,81	0,89	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,17	4,37	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6	5,27	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,42	2,35	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,008	-3,32	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,83	-42,65	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,8	-7,78	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.544.300 cổ phần phổ thông, trong đó số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là: 1.300 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị tính giá trị: 1000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	1.308.800	13.088.000	84,75				1.308.800	13.088.000	84,75
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát,	3.500	35.000	0,23				1.300	13.000	0,084

Kế toán trưởng)									
3. Cổ đông trong công ty:	65.645	656.450	4,25				67.045	670.450	4,34
Cổ phiếu quỹ									
Cán bộ công nhân viên	65.645	656.450	4,25				67.045	670.450	4,34
4. Cổ đông ngoài công ty:	166.355	1.663.550	10,77				167.155	1.671.550	10,83
Cá nhân	56.155	561.550	3,63				56.955	569.550	3,69
Tổ chức	110.200	1.102.000	7,14				110.200	1.102.000	7,14

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập									
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.419.000	14.190.000	91,89				1.419.000	14.190.000	91,87
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	125.300	1.253.000	8,11				125.300	1.253.000	8,11

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Số TT	Nguyên nhiên liệu sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vải các loại	Mét	1.543.830,6
2	Chỉ may	Cuộn	107.151
3	Nhãn	Cái	6.739.204
4	Nút các loại	Cái	3.364.770
5	Thẻ bài, sổ giấy	Cái	1.031.056
6	Thun	Mét	420.344,3
7	Móc treo +kẹp size	Cái	
8	Băng nhám	Mét	134.184,76
9	Dây lung, dây luồng, dây viền các loại	Mét	951.388,53
10	Dây kéo các loại	Cái	715.651
11	Đạn nhựa	Cái	669.619
12	Phụ liệu khác	Cái	1.685.321,96
13	Củi	Khối	3.485,1

14	Dầu máy	Lít	426
15	Cồn CN	Lít	443
16	Thùng carton	Cái	60.637,4
17	Băng keo, bao bì đóng gói các loại	Cái	2.403.202,5

6.2. *Tiêu thụ nước*: Nguồn nước được mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng. Lượng nước tiêu thụ năm 2019 là 11.263 m³, chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, lò hơi.

6.3. *Tiêu thụ điện*: Nguồn điện sử dụng là mạng lưới điện Quốc gia do Công ty Điện lực Đà Nẵng cung cấp. Lượng điện tiêu thụ năm 2019 là 575.396 Kwh

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*: Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và thực hiện tốt từ việc quản lý các nguồn thải trong Công ty đến công tác quản lý chất thải công nghiệp và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Quân số đến ngày 31/12/2019. Tổng số: 678 công nhân viên. Trong đó:

- Ban Tổng giám đốc : 3 người
- Trưởng phòng : 4 người
- Quản đốc : 2 người
- Phó phòng : 4 người
- Phó Quản đốc : 3 người
- Trợ lý : 2 người
- Tổ trưởng : 16 người
- KCS : 31 người
- Nhân viên VP : 54 người
- Giám tiếp SX (TK+ Lean) : 13 người
- Công nhân : 553 người

Hội đồng quản trị: 3 người

Ban kiểm soát: 3 người

- Tiền lương:

- + Tổng Thu nhập : 62.041.479.129 đ
- Trong đó từ quỹ tiền lương : 54.762.391.430 đ
- + Thu nhập bình quân : 7.548.703 đ/người/tháng
- Từ quỹ lương : 6.303.222 đ/người/tháng
- Từ thu nhập khác : 407.648 đ/người/tháng
- Từ lương T13 và thưởng Tết : 837.832 đ/người/tháng

Do nguồn hàng năm 2019 thay đổi, năng suất thấp, sản xuất kinh doanh lỗ. Để thực hiện các biện pháp giữ chân người lao động và thực hiện đúng Quy chế lương năm 2019 và Hợp đồng lao động đã ký, Công ty đã thực hiện các chính sách bù lương do thay đổi nguồn hàng, bù lương tối thiểu vùng, ... để nhằm đảm bảo thu

nhập cho người lao động và yên tâm công tác, việc bù lương giữ chân lao động dẫn đến không gắn năng suất và tốc độ tăng trưởng GTGCCB của đơn vị.

Căn cứ Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/06/2012 và Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 Công ty đã ban hành quy chế lương năm 2019. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty bằng văn bản, người đại diện vốn đã triển khai thực hiện trả lương đúng quy định; việc trích lập quỹ lương, chi trả tiền lương cho người quản lý và người lao động phù hợp với Quy chế, Điều lệ doanh nghiệp và ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty; trong năm 2019 không nợ lương người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2019 đạt 7.548.703 đ/người/tháng đạt 92,82% so với kế hoạch, đạt 100,42% so với cùng kỳ năm 2018. Thực hiện đúng quy định về công tác đảm bảo an toàn lao động, cấp phát đầy đủ, kịp thời trang thiết bị bảo hộ lao động cho từng người lao động. Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và tranh chấp về lao động. Chính sách tiền lương cho người quản lý điều hành Công ty được thực hiện theo phương án lương chung toàn Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn quan tâm đến chính sách cho người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được nâng lương, nâng bậc đúng niên hạn, các chính sách khen thưởng, phúc lợi được kịp thời, chính sách thăm hỏi gia đình hậu phương CBCNV được kịp thời trong những dịp Tết, ma chay, cưới hỏi,... 100% người lao động được trả tiền lương, tiền công phù hợp với công việc và các chế độ khác theo quy định. Cụ thể:

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương theo thang bảng lương do Nhà nước quy định.

- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng hằng năm của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc.

- Công ty chấp hành nghiêm các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đúng theo Luật lao động và Luật BHXH. Đảm bảo 100% lao động ký hợp đồng lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đầy đủ.

- Căn cứ các quy định về pháp luật lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và tình hình thực tế của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thích hợp để khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể và các chính sách của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

TT	ĐỐI TƯỢNG	Số người	Số giờ đào tạo	
			Giờ/người	Tổng giờ
1	Huấn luyện Sơ cấp cứu + ATVSLĐ cho ATVSV	47	8	376
2	Huấn luyện kiến thức ATVSLĐ cho người lao động	680	2	1.360
3	Diễn tập phương án chữa cháy cứu hộ với LL chữa cháy chuyên nghiệp	680	0,5	340
4	Đào tạo tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng	20	48	960
Cộng		1.427	58,5	3.036

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay		TH/KH 2018 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	
1	Vốn điều lệ	15.443.000.000	15.443.000.000	15.443.000.000	100,00
2	Tổng doanh thu	191.907.586.850	300.000.000.000	202.841.236.005	105,7
3	Tổng chi phí	189.896.117.313	296.200.000.000	209.531.016.105	110,3
4	Lợi nhuận trước thuế	2.011.469.537	3.800.000.000	-6.689.780.995	-332,6
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	1,05%	1,27%	-3,3%	
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	12,12%	4,86%	-42,4%	
7	Cổ tức	-	=	-	

Nhìn chung trong năm 2019, các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đều không đạt so với kế hoạch, mặc dù doanh thu có sự tăng trưởng so với cùng kỳ là 105,7%.

Việc xây dựng lại phương án lương năm 2019 tiên tiến, đảm bảo hợp lý, công bằng, khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập; đã áp dụng và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho người lao động nhằm đảm bảo ổn định và thu hút lao động, áp dụng thưởng thâm niên, thưởng chuyên cần, hỗ trợ tiền xăng xe, chăm sóc con nhỏ hàng tháng cho người lao động. Sổ sách quản lý ngày giờ công, tiền lương. Kết quả là thu nhập của người lao động trong năm cũng được đảm bảo với mức bình quân là 7.548.703 đồng/ người, đạt 92,82% so với kế hoạch và đạt 100,42% so với cùng kỳ.

Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019 giảm so với cùng kỳ, do trong năm Công ty sản xuất kinh doanh lỗ. Cho thấy vốn chủ sở hữu chưa được bảo toàn.

Trong năm qua, Công ty luôn chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, thực hiện việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế và bảo hiểm đối với ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc Phòng. Số phải nộp trong năm 13.363.471.316 đồng đạt 87% kế hoạch năm, số đã nộp 13.021.485.866 đồng, số còn phải nộp NS - 3.181.347.488 đồng. Trong đó nộp cơ quan thuế -3.194.192.452 đồng, nộp hệ thống

tài chính quân đội 12.844.964 đồng, nộp Tổng công ty 0 đồng, nộp bảo hiểm địa phương 0 đồng.

Đơn vị đã được cơ quan thuế quyết toán các loại thuế năm 2016 và thực hiện kiểm tra hoàn thuế VAT đến tháng 04/2019.

Đơn vị đã được Tổng công ty và cơ quan bảo hiểm tại địa phương thông báo kết quả đóng bảo hiểm hàng tháng. Đến 31/12/2019, đơn vị không nợ tiền bảo hiểm với cơ quan bảo hiểm địa phương và Tổng công ty.

Đơn vị đã được cơ quan Hải quan thanh quyết toán tờ khai Hải quan đến thời điểm tháng 12 năm 2019.

Công tác quản lý, sử dụng đất được giao, thu nộp tiền sử dụng đất : đơn vị thực hiện đúng quy định về việc quản lý, sử dụng và nộp tiền sử dụng đất quốc phòng.

Đơn vị còn tồn đọng thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Cục thuế TP Đà Nẵng, tuy nhiên đã có hồ sơ xác nhận của Cơ quan thuế về việc nộp thừa tại biên bản thanh tra ngày 05/12/2018.

Công tác xuất nhập khẩu đã được hải quan kiểm tra sau thông quan đến 31 tháng 12 năm 2017. Hiện tại việc khai báo xuất nhập hàng hóa đảm bảo đúng theo quy định, thể hiện đúng số liệu, đúng thực tế kịp thời đáp ứng cho sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong kỳ kế toán phát sinh chi phí phạt hành chính : 2.100.000 đồng về việc khai không chính xác các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT thời kỳ hoàn thuế.

Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan nhà nước (thuế, hải quan, bảo hiểm, môi trường...) và kiến nghị của kiểm tra nghiệp vụ, giám sát tài chính của Tổng công ty : đơn vị thực hiện đủ các kiến nghị của cơ quan nhà nước, của kiểm tra nghiệp vụ và giám sát tài chính.

Công ty đã chấp hành nghiêm Điều lệ, quy chế đã ban hành, các chính sách về quản lý tài chính, chế độ kế toán thống kê theo quy định. Công tác quản lý vốn và tài sản dần đi vào nề nếp được thực hiện xuyên suốt, khắc phục xảy ra mất mát, lãng phí,...; thực hiện nghiêm túc công tác chấp hành chính sách pháp luật và nghĩa vụ ngân sách.

Năm 2019 nguồn hàng BHLĐ và hàng đồng phục y tế giảm và chuyển đổi từ hình thức sản xuất xuất khẩu sang hình thức gia công , công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng gia công xuất khẩu như Ktex, Galtex, SUS, Lever Style,.. để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

- Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, điều hành sản xuất.

- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

- Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất.

- Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2019 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ phận.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
2	3		4	5	
Tài sản ngắn hạn	57.808.681.873	74,65	56.182.439.892	72,55	97,19
Tài sản dài hạn	19.631.217.405	25,35	21.253.051.840	27,45	108,28
Tổng tài sản	77.439.899.278		77.435.491.732		99,61

Trong cơ cấu tài sản năm 2019, tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế với tỷ trọng 72,55%, bằng 97,19% so với cùng kỳ năm 2018, kéo theo đó là tổng tài sản giảm bằng 99,61% so với cùng kỳ. Điều này có thể lý giải do các khoản tiền phải thu khách hàng được thu hồi về cuối năm để trả nợ vay ngân hàng.

b) Tình hình tồn kho các loại:

ĐVT: đồng

Tồn kho	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
	2	3	4=3/2
- Hàng mua đang đi đường			
- Nguyên liệu chính	8.532.884.598	8.626.611.261	101,10
- Vật liệu phụ	2.892.472.504	5.138.899.528	177,66
- Nhiên liệu	132.810.909		
- Phụ tùng thay thế	68.287.854	58.080.910	85,05
- Bao bì	108.999.827	201.856.708	185,19
- CCDC	127.509.842	7.651.747	6
- Chi phí sản phẩm dở dang	1.963.071.918	3.660.353.985	186,46
- Thành phẩm	18.427.130.096	12.090.179.979	65,61
- Hàng hóa	45.712.480	74.391.525	162,7
- Hàng gửi bán	2.128.090.100	3.426.855.870	160,99

Tổng cộng	34.426.970.128	33.284.881.513	96,68
------------------	-----------------------	-----------------------	--------------

Tồn kho thực hiện năm 2019 là 33.284.881.513 đồng, bằng 96,68% so với thực hiện năm 2018. Lượng hàng tồn kho cuối năm giảm do đơn hàng Kowil tồn kho được xuất bán trong quý 4 năm 2019.

c) Tài sản dở dang dài hạn:

Tại thời điểm 31/12/2019, Dự án Xưởng may Quảng Trị tại Cụm Công nghiệp Diên Sanh – Hải Lăng – Quảng Trị với giá trị đầu tư dở dang là 4.729.015.647 đồng, đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV Con đường Xanh Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 4,2 tỷ đồng. Đến thời điểm này, các bên đã hoàn tất các thủ tục pháp lý chuyển nhượng, dự kiến một khoản lỗ sau khi thu hồi vốn là 1,013 tỷ đồng và Công ty đã trích lập dự phòng trong năm 2019.

d) Tình hình nợ phải trả:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
2	3		4	5	
Nợ ngắn hạn	62.469.904.564	100,00	69.194.653.718	100,00	110,76
Nợ dài hạn	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	62.469.904.564		69.194.653.718		110,76
Vốn chủ sở hữu	14.969.994.714		8.240.838.014		55,05

Nhìn chung, cơ cấu sử dụng nợ của Công ty qua các năm chủ yếu là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn và có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2018 là 10,76%. Nợ ngắn hạn chủ yếu của Công ty là các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị đến 31/12/2019 là 38,959 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, phần còn lại là nợ vay Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 là 3,5 tỷ đồng nhằm đầu tư máy móc thiết bị chuyên dụng phục vụ sản xuất; các khoản chiếm dụng vốn của nhà cung cấp, phần khác là các khoản phải trả cho người lao động và dự kiến trả trong Q1/2020. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty không phát sinh nợ quá hạn đến hạn trả.

So với cùng kỳ năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bị giảm do sản xuất kinh doanh năm 2019 bị lỗ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

- Đào tạo và đào tạo lại để phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế

quản lý tiên tiến.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Định hướng:

- Chiến lược phát triển phải được xác định trên cơ sở phát huy lợi thế nội tại, hạn chế thách thức để tận dụng cơ hội, tránh né thách thức từ môi trường bên ngoài nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Chiến lược phải bảo đảm đạt tới hiệu quả cao, bền vững, đồng thời quan tâm thích đáng đến các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, và quản lý rủi ro trong điều kiện một thế giới đầy biến động.

- Chiến lược phát triển phải chú trọng vào việc xây dựng, củng cố, phát triển, và khai thác có hiệu quả các năng lực cốt lõi để tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Tận dụng các thế mạnh về mặt bằng, nhà xưởng, kinh nghiệm tổ chức sản xuất từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng tăng giá trị gia tăng, giảm thiểu chi phí, phù hợp với xu hướng hội nhập, chính sách ưu đãi của chính phủ.

- Kiên quyết loại bỏ những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Chuyển dần các mặt hàng có giá trị thấp như hàng đồng phục về những vùng có chi phí thấp để giảm chi phí tăng hiệu quả .

+ Đầu tư vào Nghiên cứu và Phát triển và nâng cao năng lực sáng tạo của toàn thể đội ngũ để có những công nghệ mới, sản phẩm mới với chất lượng cao, giá trị gia tăng cao đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

+ Tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống theo quy hoạch cho từng chuyên ngành qua biện pháp tăng năng lực sản xuất trên mặt bằng hiện hữu .

+ Chiến lược cơ cấu lại loại hình sản xuất: Chuyển cơ cấu sản xuất và xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng tối đa FOB cấp I.

+ Phát triển hàng đồng phục nội địa, cho thuê mặt bằng và kinh doanh dịch vụ. Định hướng khai thác mặt bằng khi có thay đổi về cơ chế quản lý đất quốc phòng.

+ Cạnh tranh bằng cạnh tranh chi phí thấp, khác biệt hoá sản phẩm và dịch vụ, tập trung trọng điểm.

4.2.1 Chiến lược về thị trường.

- Công ty vẫn xác định kinh doanh ngành may là chính, từ năm 2020-2023 tập trung nguồn lực để đầu tư , củng cố, ổn định sản xuất trong xưởng và tìm nguồn hàng để đưa gia công tăng doanh thu. Trước mắt vẫn duy trì các khách hàng , mặt hàng hiện nay, tìm giải pháp để tăng năng suất. Đồng thời đánh giá hiệu quả sản phẩm tìm thêm khách hàng và sản xuất mặt hàng có khả năng ứng dụng thiết bị điện tử để thay thế lao động nhằm tăng hiệu quả sản xuất tính cạnh tranh.

- Tìm hiểu kinh doanh thương mại, dịch vụ, phát huy tối đa lợi thế trung tâm thành phố để tăng thêm ngành nghề phụ.

- Về lâu dài khi lao động giảm nhiều sẽ khai thác quỹ đất để xây dựng cho thuê.

4.2.2 Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp:

- Rà soát và thiết lập lại qui chế, quy trình quản lý phù hợp với điều kiện của công ty.
 - Chấn chỉnh lại công tác quản lý từ NPL, CCDC, vật tư, thành phẩm, cập nhật đầy đủ chính xác hồ sơ sổ sách phục vụ công tác quản lý tại đơn vị cũng như các đơn vị kiểm tra thứ 3 đảm bảo đúng quy định của công ty, quân đội và pháp luật
 - Đầu tư phần mềm để quản lý vật tư, nhân sự, sản xuất, để giảm lao động và tăng hiệu quả quản lý.
 - Phân tích dữ liệu, số liệu để xác định chiến lược quản trị công ty hiệu quả lâu dài.
 - Đảm bảo an ninh, an toàn đơn vị. Thực hiện tốt công tác hành chính hậu cần, duy trì thường xuyên công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

4.2.3 Chiến lược về đầu tư

- Từ năm 2024 nghiên cứu đầu tư mở rộng sản xuất may về khu vực tỉnh, huyện.
 - Dự kiến qui mô sản xuất sẽ thu nhỏ sau năm 2025 do thiếu hụt nguồn lao động và khả năng cạnh tranh, sản xuất ngành may tại khu vực trung tâm thành phố không hiệu quả. Công ty hướng đến kinh doanh thương mại, dịch vụ, khai thác mặt bằng, khai thác quỹ đất.

4.2.4 Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.

- Rà soát đánh giá lại nguồn nhân lực, xây dựng mô hình tổ chức và định biên phù hợp với điều kiện thực tế, cân đối giữa lao động gián tiếp và lao động trực tiếp, giảm cán bộ quản lý.
 - Qui hoạch, đào tạo, tuyển dụng bổ sung những vị trí cần thiết cho phát triển lâu dài. Hướng đến sử dụng cán bộ có năng lực thực sự, có đạo đức và trách nhiệm để điều hành và quản lý công ty.
 - Luân chuyển thay đổi để tạo môi trường va chạm thực tế, phát huy khả năng, thể mạnh của mỗi người.
 - Lấy con người làm nền tảng để xây dựng và phát triển công ty.

4.2.5 Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính lành mạnh, đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

4.2.6 Chiến lược ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất: Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng thông qua các chương trình cụ thể:

- Thường xuyên thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.
- Tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường sông nói chung và công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng.
- Ứng dụng các sáng kiến, cải tiến công nghệ sản xuất và tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Luôn đảm bảo hạng mục xử lý chất thải đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo quy chuẩn xả thải và giám sát việc xử lý nước thải và các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ.
- Về chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, chỉ số bụi tổng, bụi hô hấp tại các vị trí làm việc và môi trường xung quanh đều đạt trong giới hạn cho phép theo quyết định số 3733-2002/QĐ – BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
- Đối với khí thải phát sinh từ lò hơi, kết quả đo cho thấy: các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép, cụ thể:
 - + Bụi tổng: Kết quả kiểm tra 31,7mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 5067:1995
 - + CO: Kết quả kiểm tra 575mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 7242:2003
 - + SO₂: Kết quả kiểm tra 42,4mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 6750:2000
 - + NO₂: Kết quả kiểm tra 36,3mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 7172:2002
- Đối với nước thải, các chỉ tiêu đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã bố trí khu vực riêng để lưu chứa, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 48.0000065.T ngày 25/05/2009.
- Đối với rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại Công ty cũng đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2019, với tinh thần trách nhiệm cao trước cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT Công ty định hướng nỗ lực để phát triển bền vững trong lĩnh vực may mặc. Công ty luôn cố gắng cao nhất trong việc phát huy nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và có khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực may mặc.

Các thành viên Ban Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ đại học, có đạo đức tốt, gắn bó lâu dài với Công ty qua nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty nên đa số có kinh nghiệm về ngành nghề.

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành chung; Phó Tổng Giám đốc được phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách hoạt động sản xuất của Công ty.

Năm 2019 tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo có nhiều thuận lợi nhưng tiềm ẩn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến bất ổn, khó lường, đặc biệt là ngành dệt may xu hướng khó khăn.

Về phía Công ty: Nhận định tình hình thị trường, khách hàng, nguồn hàng và kế hoạch SXKD Công ty cơ bản ổn định.

Lao động sẽ tiếp tục biến động theo chiều hướng giảm do chuyển đổi ngành nghề và chuyển về địa phương, việc tuyển dụng lao động mới khó khăn, áp lực tăng tiền lương và thu nhập để giữ chân người lao động rất lớn trong điều kiện giá cả đầu vào phục vụ sản xuất tăng:

- Lương tối thiểu vùng tiếp tục tăng làm tăng chi phí BHXH, chi phí bù lương, Áp lực về nguồn vốn lưu động để mua nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất hàng FOB cao trong khi công ty hoạt động chủ yếu bằng vốn vay.

- Công ty năm nay trung tâm thành phố là điều kiện thuận lợi cho vận chuyển giao nhận, xuất nhập khẩu nhưng để duy trì hoạt động ổn định công ty phải trả một mức tiền lương và các chi phí khác cao hơn những doanh nghiệp cùng ngành nằm ở cách xa trung tâm thành phố.

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020	% KH 2020/TH 2019
B	C	1	2	4
Tổng doanh thu	1000đ	202.841.236	256.000.000	156
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	-6.689.781	150.000	2%
Lợi nhuận sau thuế	"	-6.728.157	120.000	2%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	"	-3,32	0	0
Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	7.548.703	7.500.000	107
Lao động bình quân	Người	724	650	

Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty, HĐQT đã đưa ra một số ý kiến, giải pháp cụ thể nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội cổ đông đưa ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông.

- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo

hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2021 có 3 thành viên, gồm :

1. Ông Bùi Văn Bắc - Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quyết Thắng - Phó chủ tịch kiêm TGD Công ty
3. Bà Hồ Thanh Thủy - Ủy viên HĐQT

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Với qui mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng kỳ.

Hội đồng quản trị hoạt động theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch	14/4/2018	6/6	100%
2	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch	14/4/2018	6/6	100%
3	Hồ Thanh Thủy	Thành viên	14/4/2018	6/6	100%

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề:

- Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đạo hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao và Hội đồng quản trị đề ra.

- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có biện pháp, chỉ đạo kịp thời Ban giám đốc điều hành các vấn đề có ảnh hưởng đến nguồn lực đảm bảo cho hoạt động hiệu quả của Công ty.

- Hội đồng quản trị họp về việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng dự án xưởng may Quảng Trị với Công ty TNHH Hợp tác đầu tư KV353 và chuyển nhượng

cho Công ty TNHH MTV Con đường Xanh – Quảng Nam.

- Kiểm tra thường xuyên đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	14/4/2018	10/10	100%
2	Bà Đỗ Thị Thương	Thành viên	14/4/2018	10/10	100%
3	Lê Thị Hiền	Thành viên	14/4/2018	10/10	100%

Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương đúng pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty không có lợi nhuận, cho nên trong năm 2019 Công ty không thực hiện chi trả các khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện trích nộp Quỹ thù lao Ban điều hành Tổng công ty 28 theo TB 412 (11/05/2015) của Tổng công ty 28 (1 quý là: 3.645.000 đồng). Tổng cộng 4 quý là : $3.645.000 \times 4 = 14.580.000$ đồng.

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

- Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ: Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

- Việc thực hiện quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CÔNG TY
CỔ PHẦN
28
ĐÀ NẴNG
Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Hóa